TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TC** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2018
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Văn Quốc.

2. Ông Hoàng Trung Trọng.

- Thư ký phiên toà: Bà Lò Mai Xiêng -Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Lò Văn Thức- Kiểm sát viên.

Ngày 30-11-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 123/2018/TLST - HNGĐ ngày 18-9-2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐST- HNGĐ, ngày 09-11-2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lù Thị P; Sinh năm: 1996;

Địa chỉ: Bản N, xã BP, huyện TC, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

* Người phiên dịch cho nguyên đơn là: anh Lò Văn I;

Địa chỉ: Bản NL, xã CP, huyện TC, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Lò Văn M; Sinh năm: 1990;

Địa chỉ: Bản N, xã BP, huyện TC, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 17-9-2018 và lời khai bổ sung tại Toà án nhân dân huyện TC. Nguyên đơn chị Lù Thị P trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Lò Văn M đăng ký kết hôn với nhau từ ngày 12 tháng 9 năm 2016 tại UBND xã BP, huyện TC, kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối.

Sau khi kết hôn chị và anh M chung sống hoà thuận hạnh phúc với nhau được hơn hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh M nghiện ma túy. Chị và gia đình đã động viên nhiều lần nhưng anh M vẫn không thay đổi, dẫn đến tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Lù Thị P nhận thấy cuộc hôn nhân này không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tin tưởng, thương yêu nhau, không thể chia sẻ mọi khó khăn trong cuộc sống nên đã viết đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện TC giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Tại phiên tòa chị P giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Lò Văn M.

- *Về con chung:* Trong thời chung sống anh, chị có 01 con chung tên là: Lò Mạnh T- Sinh ngày 03-10-2016. Nay ly hôn nguyện vọng của chị P là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, chị P không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 19-10-2018, ngoài những tài liệu, chứng cứ do chị P đã giao nộp, chị P không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

Tòa án nhân dân huyện TC đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh M vắng mặt không có lý do.

Trong quá trình giải quyết vụ án,Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La đã tiến hành các thủ tục giao trực tiếp: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác cho đương sự bị đơn anh Lò Văn M nhiều lần tại nhà nhưng bị đơn cố tình không ký nhận các văn bản trên. Và Tòa án đã tiến hành giao, gửi các văn bản tố tụng thông qua mẹ đẻ của anh Lò Văn M là người trực tiếp cùng sinh sống trong nhà với anh M và có sự cam đoan của người nhận về việc giao lại các văn bản tố tụng của Tòa án đến tận tay của anh Lò Văn M. Tuy nhiên phía bị đơn anh Lò Văn M vẫn cố tình không chấp hành sự có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia tố tụng giải quyết vụ án. Trong các ngày 09-11-2018 và 26-11-2018 Tòa án đã tiến hành giao các quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật thông qua mẹ đẻ của anh Lò Văn M là người trực tiếp cùng sinh sống trong nhà với anh M và có sự cam đoan của người nhận về việc giao lại các văn bản tố tụng của Tòa án đến tận tay của anh Lò Văn M. Tuy nhiên anh Ló Văn M vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa.

Ngày 02-11-2018 Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, kết quả xác minh như sau:

Trong biên bản xác minh ngày 02-11-2018 tại bản N, xã BP, huyện TC và UBND xã BP, huyện TC. Mẹ đẻ anh Lò Văn M là bà Lò Thị Ch và đại diện chính quyền địa phương cho biết: Anh Lò Văn M và chị Lù Thị P có hộ khẩu thường trú tại

bản N, xã BP, giữa anh M và chị P có đăng ký kết hôn tại UBND xã BP, trong quá trình chung sống anh, chị có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M là đối tương nghiện ma túy. Hiện nay UBND xã T đang lập hồ sơ để áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với anh M, vì vậy anh M cố tình trốn tránh và không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án bản thân bà Ch đã giao tận tay các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh M nhưng anh M cho rằng đã giải quyết xong ở bản nên không đến Tòa án để giải quyết ly hôn. Chị P và anh M có một con chung tên là Lò Mạnh T- Sinh ngày 03-10-2016. Về tài sản chung, nợ chung: anh, chị đã tự thỏa thuận xong.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay chị Lù Thị P đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự, nội quy phiên tòa đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Lò Văn M đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 72, 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có cơ sở căn cứ.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; 56, 81, 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dung án phí và lệ phí Tòa án:

- *Về hôn nhân:* Đề nghị xử cho chị Lù Thị P được ly hôn với anh Lò Văn M.

- *Về con chung:* Đề nghị xử giao cháu Lò Mạnh T- Sinh ngày 03-10-2016 cho chị Lù Thị P được trực tiếp được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lò Văn M chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lò Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Lù Thị P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[2]. Về tố tụng: Xét yêu cầu giải quyết việc ly hôn của nguyên đơn chị Lù Thị P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La đã tiến hành các thủ tục

giao: Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập đương sự theo đúng quy định của pháp luật, theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên phía bị đơn anh Lò Văn M vẫn cố tình không chấp hành sự có mặt tại Tòa án để tham gia phiên tòa. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về hôn nhân*: Chị Lù Thị P và anh Lò Văn M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BP, huyện TC, tỉnh Sơn La vào ngày 12 tháng 9 năm 2016 đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh M là hợp pháp, cần được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên trong quá trình chung sống anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do anh M là đối tượng nghiện ma túy dẫn đến tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân rơi vào bế tắc. Chị P và gia đình đã động viên nhiều lần nhưng anh M vẫn không thay đổi. Hiện nay anh, chị đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị P có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh M, hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51; 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị Lù Thị P được ly hôn với anh Lò Văn M.

[4]. *Về con chung*: Trong thời chung sống anh, chị có một con chung tên là: Lò Mạnh T- Sinh ngày 03-10-2016. Nay ly hôn nguyện vọng của chị P là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, chị P không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên, xem xét chị P có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con hàng ngày. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu T cho chị P để chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T là hợp tình, hợp lý để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu như ăn mặc, học hành và những điều kiện cho sự phát triển về thể chất và tinh thần bởi anh M là đối tượng nghiện ma túy. Chị Lù Thị P không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ cần được chấp nhận, sau khi ly hôn anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở căn cứ Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. *Về án phí:* Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dung án phí và lệ phí Tòa án: chị Lù Thị P phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 28; Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dung án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lù Thị P được ly hôn với anh Lò Văn M.

2. Về con chung: Xử giao cháu Lò Mạnh T- Sinh ngày 03-10-2016 cho chị Lù Thị P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Lò Văn M chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lò Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lù Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TC theo biên lai thu số: AA/2016/0001455, ngày 18-9-2018.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Lù Thị P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Lò Văn M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo thủ tục hợp lệ.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC (2 bản);
- UBND xã BP, H.TC;
- Chi cụcTHADS huyện TC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Chiến